

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 73/2017/DS-ST

Ngày 14-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc.
2. Ông Trịnh Văn Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2017/TLST-DS ngày 23/5/2017 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 352/2017/QĐST- DS ngày 22 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Châu Thị P, sinh năm 1974 (có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Đường N, khóm 4, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1977 (có mặt).

Bà Trần Thúy Q, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2017 và các lời khai tại tòa nguyên đơn bà Châu Thị P trình bày:

Vào ngày 20/9/2015 ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thúy Q có viết biên nhận vay của bà P số tiền 105.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận 3%/tháng (tương ứng 3.000.000 đồng/tháng). Ngày 16/11/2016 ông M, bà Q có viết giấy thỏa thuận có nợ

số tiền gốc 105.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 16/11/2016 là 27.900.000 đồng, vốn và lãi là 132.900.000 đồng. Theo thỏa thuận đến ngày 16/3/2017 ông M bà Q trả vốn và lãi cho bà P nhưng đến nay vẫn chưa trả tiền cho bà P.

Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M, bà Q trả số tiền 132.900.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Vào ngày 20/9/2015 ông Nguyễn Văn M có viết biên nhận vay của bà Châu Thị P số tiền 105.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận 3%/tháng (tương ứng 3.000.000 đồng/tháng). Ngày 16/11/2016 ông M có viết giấy thỏa thuận có nợ số tiền gốc 105.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 16/11/2016 là 27.900.000 đồng, vốn và lãi là 132.900.000 đồng. Từ khi viết giấy thỏa thuận ông M, bà Q chưa trả tiền cho bà P.

Bà P yêu cầu ông M, bà Q trả số tiền 132.900.000 đồng, ông M đồng ý trả cho bà P số tiền 132.900.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 02/8/2017 bị đơn bà Trần Thúy Q trình bày: Bà thừa nhận vào ngày 20/9/2015 bà Q và ông Nguyễn Văn M có vay của bà P số tiền 105.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Từ khi vay đến nay bà chưa trả tiền cho bà P. Nay bà P yêu cầu ông M, bà Q trả cho bà 132.900.000 đồng, bà Q đồng ý trả cho bà P số tiền 132.900.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Vụ án từ khi thụ lý đến trước khi vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Châu Thị P, buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thúy Q trả cho bà P số tiền 132.900.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bà Trần Thúy Q nhưng bà Q vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Q là phù hợp với quy định.

[3] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 132.900.000 đồng. Bị đơn thừa nhận có nợ

nguyên đơn 132.900.000 đồng. Xét đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn là ông Nguyễn Văn M đều xác định ngày 20/9/2015 ông M có viết biên nhận vay của bà P số tiền 105.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Đến ngày 16/11/2016 ông M có viết giấy thỏa thuận có nợ số tiền gốc 105.000.000 đồng và số tiền lãi 27.900.000 đồng. Theo thỏa thuận đến ngày 16/3/2017 ông M bà Q trả vốn và lãi cho bà P, nhưng đến nay chưa trả. Tại phiên tòa ông M thừa nhận còn nợ bà P số tiền 132.900.000 đồng, tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 02/8/2017 bị đơn bà Trần Thúy Q cũng thừa nhận còn nợ bà P số tiền 132.900.000 đồng. Ông M, bà Q đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 132.900.000 đồng. Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là có thực tế diễn ra và các bên đều thừa nhận. Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thúy Q trả bà Châu Thị P số tiền 132.900.000 đồng là phù hợp.

[5] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thúy Q trả cho bà Châu Thị P số tiền 132.900.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Châu Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thúy Q không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thúy Q phải chịu 6.645.000 đồng. Bà Châu Thị P không phải chịu án phí, bà P có nộp tạm ứng án phí 3.320.000 đồng, theo biên lai thu số 0006960 ngày 18 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được hoàn lại.

Nguyên đơn, bị đơn ông M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Minh Luân